

# LẬP PHÁP HÌNH SỰ VÀ THỰC TIỄN TRUY CỨU TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ ĐỐI VỚI TỔ CHỨC Ở TRUNG QUỐC

*Đổng Hiểu Tùng (Dong Xiao Song)\**

Việc xây dựng và phát triển của công cuộc cải cách mở cửa và xây dựng nền kinh tế thị trường ở Trung Quốc đã dẫn đến một sự biến đổi lớn về lập pháp hình sự, từ chỗ chỉ cá nhân được quy định là chủ thể của tội phạm đến nay cả cá nhân và tổ chức đều được quy định là chủ thể của tội phạm. Tuy nhiên, đối với loại chủ thể đặc biệt là tổ chức, đến nay trên cả bình diện lý luận và thực tiễn tư pháp đều còn tồn tại nhiều ý kiến chưa thống nhất. Trên cơ sở nhìn nhận lại quá trình lập pháp hình sự về tổ chức phạm tội, bài viết sẽ đưa ra một số nhận định về khía cạnh lý luận và thực tiễn của vấn đề này.

Bắt đầu từ năm 1978, Trung Quốc đề ra chính sách cải cách mở cửa, đây thực sự là một quyết định lựa chọn có ý nghĩa hết sức quan trọng đối với vận mệnh của đất nước Trung Quốc đương đại. Một năm sau, tức là năm 1979, Bộ luật Hình sự đầu tiên của nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa ra đời. Ba mươi năm lập pháp hình sự của Trung Quốc gắn liền với 30 năm xây dựng và phát triển của công cuộc cải cách mở cửa và xây dựng nền kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa ở Trung Quốc. Kinh tế phát triển dẫn đến một sự thay đổi lớn trong lập pháp hình sự, chủ thể phạm tội từ chỗ chỉ là cá nhân đến nay bao gồm cả cá nhân và tổ chức. Việc phòng và chống tổ chức phạm tội là một vấn đề quan trọng liên quan đến việc lập pháp hình sự ở Trung Quốc và sự phát triển ổn định của nền kinh tế thị trường.

## **1. Quá trình lập pháp hình sự về tổ chức phạm tội ở Trung Quốc**

Bộ luật Hình sự của Trung Quốc năm 1979 do ảnh hưởng của quan niệm truyền thống về hình phạt chỉ áp dụng đối với cá

nhân, nên trong phần chung chỉ qui định trách nhiệm hình sự của cá nhân còn trong các điều luật của phần các tội phạm mới có qui định về tổ chức phạm tội.

Ví dụ: Trong Điều 121 về Tội trốn thuế, gian lận thuế có qui định: vi phạm luật thuế, trốn thuế, gian lận thuế có tình tiết nghiêm trọng, ngoài việc nộp bù đủ số thuế theo qui định của Luật thuế và có thể bị phạt tiền, người chịu trách nhiệm trực tiếp còn bị phạt tù có thời hạn đến 3 năm hoặc cải tạo lao động. Tại thời điểm đó, chủ thể nộp thuế chỉ là pháp nhân. Vì vậy, xử phạt người chịu trách nhiệm trực tiếp là hình thức xử phạt đầu tiên đối với tổ chức phạm tội.

Trong giới lý luận về Luật Hình sự của Trung Quốc, ngay từ năm 1981 đã có học giả nêu lên vấn đề tổ chức phạm tội và đưa ra những luận chứng để khẳng định vấn đề này. Tuy nhiên, khi đó do tình hình kinh tế-chính trị và quan niệm truyền thống nên các nhà lập pháp không xuất phát từ góc độ chủ thể phạm tội để đưa ra chế tài mà vẫn coi chủ thể phạm tội là người trực tiếp chịu trách nhiệm. Ngày 20 tháng 10 năm 1984, trong “Quyết định cải cách thể chế kinh tế” của Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc đã chỉ ra: “Xây dựng các doanh nghiệp trở thành một thực thể kinh tế độc lập... trở thành những tổ chức có những quyền lợi và nghĩa vụ nhất định”. Ảnh hưởng của quyết định này, giới học giả luật pháp hình sự bắt đầu quan tâm tới việc vận dụng các chế tài hình sự để ngăn chặn các hành vi gây nguy hại cho xã hội do các tổ chức thực hiện. Dần dần hình thành diễn đàn tranh luận về việc tổ chức có thể là chủ thể của tội phạm hay không. Cùng với sự ra đời văn bản “Giải thích một số vấn đề về việc vận dụng luật pháp cụ thể để giải quyết các vụ án phạm tội kinh tế trước mắt (tạm thời)” của Tòa án nhân dân tối cao và Viện kiểm sát nhân dân

\* TS. Luật học, Trường Luật - Đại học Văn Nam (Trung Quốc).

tối cao và ngày 12 tháng 4 năm 1986 ban hành “Dân pháp thông tắc”(Luật Dân sự) đã dẫn đến các cuộc thảo luận sôi nổi, sâu sắc xung quanh các vấn đề tên gọi của tổ chức phạm tội, đặc trưng của khái niệm, phạm vi chủ thể, hình phạt...

Tranh luận về tổ chức có thể là chủ thể của tội phạm hay không, mãi tới ngày 22 tháng 1 năm 1987, Ủy ban Thường vụ Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc ban hành Luật Hải quan mới tạm thời dần dần lắng xuống. Tại khoản 4, Điều 47 của Luật này qui định: “Doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp, cơ quan nhà nước, các đoàn thể xã hội phạm tội buôn lậu, cơ quan tư pháp có thể truy cứu trách nhiệm hình sự theo luật định đối với người quản lý và người chịu trách nhiệm trực tiếp. Đối với các tổ chức này có thể tiến hành phạt tiền, tịch thu hàng hóa, sản phẩm buôn lậu, phương tiện vận chuyển buôn lậu và các khoản lợi thu được do buôn lậu mà có”. Sau đó trong các văn bản “Những qui định bổ sung về việc xử lý nghiêm khắc tội buôn lậu” và “Những qui định bổ sung về việc trừng trị thích đáng tội tham ô và tội hối lộ” của Ủy ban Thường vụ Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc lại một lần nữa xác định rõ ràng các tổ chức có thể trở thành chủ thể phạm tội của các tội buôn lậu, vận chuyển trái phép ngoại hối, đầu cơ buôn bán ngoại hối một cách bất hợp pháp, đưa hối lộ và nhận hối lộ. Từ đó, tổ chức trở thành một loại hình chủ thể phạm tội mới được qui định trong pháp luật hình sự của Trung Quốc.

Không giống như pháp nhân phạm tội thông thường trên thế giới, Trung Quốc lựa chọn tên gọi “tổ chức phạm tội”. Bởi vì, chế độ pháp nhân ở Trung Quốc xây dựng tương đối muộn, đến nay chế độ pháp nhân vẫn chưa thật hoàn thiện. Hiện nay nhiều phạm tội xuất phát từ các doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp và các đoàn thể, vì vậy ở Trung Quốc gọi là tổ chức phạm tội cho phù hợp với tình hình hiện tại. Tuy về mặt qui định phạm vi chủ thể của pháp nhân phạm tội và tổ chức phạm tội có phần không giống nhau, nhưng cơ sở lý luận cấu thành tội phạm thì về cơ bản là giống nhau. Vì vậy, xét từ góc độ lý luận

của Luật Hình sự ở Trung Quốc, phân biệt của hai tên gọi trên chỉ mang ý nghĩa từ ngữ.

Trong tiết 4, Chương 2 của Phần chung Bộ luật Hình sự năm 1997 qui định chuyên về “nguyên tắc song phạt” và nguyên tắc xử phạt theo pháp định đối với tổ chức phạm tội. Điều 30 của Bộ luật này qui định: “Công ty, doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp của Đảng, cơ quan, đoàn thể thực hiện các hành vi nguy hại cho xã hội mà pháp luật qui định là tổ chức phạm tội, phải chịu trách nhiệm hình sự”. Còn Điều 31 cũng của Bộ luật này qui định: “Tổ chức phạm tội thì xử phạt tiền đối với tổ chức và xử lý hình sự đối với người trực tiếp quản lý và những người chịu trách nhiệm trực tiếp. Nếu phân riêng của Luật này và những luật khác có qui định thêm khác, thì căn cứ theo những qui định đó”. Căn cứ theo qui định này, có thể nhận định rằng, tổ chức phạm tội là chỉ thành viên của tổ chức hoặc những người khác được ủy quyền bị ý chí của tổ chức chi phối đã thực hiện hành vi gây nguy hại nghiêm trọng cho xã hội và cần phải bị xử phạt bằng hình phạt. Đặc trưng của nó là: Thứ nhất, hành vi đó phải có tính chất gây nguy hại nghiêm trọng cho xã hội, đây là sự phân biệt giữa hành vi vi phạm pháp luật thông thường của tổ chức với hành vi phạm tội của tổ chức. Thứ hai, nó mang tính luật định, tức là hành vi đó đã cấu thành tội phạm hay chưa phải được qui định rõ ràng trong văn bản pháp luật. Nếu pháp luật chưa qui định thì cho dù hành vi của tổ chức có thể thỏa mãn dấu hiệu của một cấu thành phạm tội, tổ chức đó cũng không bị xử lý về hình sự. Thứ ba, hành vi đó phải thể hiện ý chí của tổ chức. Ý chí của tổ chức tức là ý chí của người thực hiện hành vi nhất thiết phải lấy danh nghĩa tổ chức và thực hiện hành vi vì lợi ích của tổ chức. Nếu như mạo nhận danh nghĩa của tổ chức để thực hiện hành vi trái pháp luật hình sự nhằm thu lợi ích bất hợp pháp cho cá nhân, thì không thể nhận định đó là trường hợp tổ chức phạm tội để xử lý về hình sự.

Trong Bộ luật Hình sự, ngoài những nội dung qui định tại Phần chung, tại phần riêng có 124 nội dung qui định về tổ chức phạm

tội, liên quan tới 125 tội danh. Trong đó, có 7 nội dung qui định liên quan đến các tội gây nguy hại cho an toàn công cộng, 78 nội dung qui định liên quan đến các tội phá hoại trật tự nền kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa, 1 nội dung liên quan đến các tội xâm hại quyền dân chủ, quyền nhân thân, 31 nội dung liên quan đến các tội xâm hại trật tự quản lí xã hội, 3 nội dung liên quan đến qui định về các tội xâm hại an ninh quốc phòng và 5 nội dung liên quan đến qui định về các tội tham ô, hối lộ. Sau này, cơ quan lập pháp căn cứ vào sự thay đổi và phát triển của thực tế, đã tiến hành 7 lần bổ sung, sửa đổi và đã tăng thêm nhiều qui định về tổ chức phạm tội.

## **2. Đột phá về lí luận và đổi mới quy định đối với tổ chức phạm tội**

Mặc dù Luật Hình sự đã có những qui định về tổ chức phạm tội nhưng không có nghĩa là đã chấm dứt những tranh luận xung quanh vấn đề này. Năm 1997, sau khi Bộ luật Hình sự được ban hành, thực tiễn tư pháp hình sự không ngừng xuất hiện những vấn đề mới liên quan đến tổ chức phạm tội. Một số vụ án gây ra những tranh luận quyết liệt giữa có tội và không có tội, tội này hay tội kia... được cả xã hội quan tâm, trong đó có vụ việc kéo dài đến tận bây giờ vẫn chưa chấm dứt. Vì vậy, giới học thuật về Luật Hình sự đã tiến hành nghiên cứu sâu hơn về những điều khoản qui định đối với tổ chức phạm tội trong Phần chung và Phần các tội phạm của Bộ luật Hình sự hiện hành và những vấn đề mới xuất hiện trong quá trình áp dụng.

### **2.1. Hình thức lỗi của tổ chức phạm tội**

Như trên đã nói, qui định thông thường về tổ chức phạm tội tại Điều 30 của Bộ luật Hình sự chỉ đề cập 3 yếu tố là chủ thể, tính nguy hiểm của hành vi và tính luật định mà bỏ qua hình thức lỗi của tổ chức phạm tội. Lỗi của tổ chức phạm tội là cố ý hay vô ý hay là cả hai hình thức lỗi đó, vấn đề này pháp luật không đưa ra những qui định rõ ràng. Vì vậy, xung quanh vấn đề hình thức lỗi của tổ chức phạm tội, trong giới học giả đã xuất hiện hai luồng quan điểm trái ngược nhau.

Quan điểm thứ nhất cho rằng, lỗi của tổ chức phạm tội có thể là cố ý và cũng có thể

là vô ý nhưng ở Trung Quốc thể hiện chủ yếu là lỗi cố ý<sup>1</sup>.

Quan điểm thứ hai lại cho rằng, lỗi của tổ chức phạm tội chỉ có thể là lỗi cố ý, không thể là lỗi vô ý. Quan điểm này cho rằng, tổ chức phạm tội chủ yếu là phạm tội kinh tế và mưu cầu lợi ích là động cơ chính của tổ chức phạm tội kinh tế. Vì vậy, trong những trường hợp này chỉ có thể là lỗi cố ý mà không thể là lỗi vô ý<sup>2</sup>.

Tuy nhiên, một khi đã có thể qui hành vi cố ý phạm tội của cơ quan hoặc của người đại diện cho tổ chức vào bản thân tổ chức thì không có lý do gì mà không qui lỗi vô ý của cơ quan hoặc của người đại diện cho tổ chức vào bản thân tổ chức. Thực tiễn tư pháp chứng tỏ rằng, tổ chức phạm tội do lỗi vô ý cũng là hoàn toàn khách quan. Ví dụ các trường hợp sự cố gây ô nhiễm môi trường trầm trọng, có trường hợp hoàn toàn là do các tổ chức này sơ ý mà không lường trước được, hoặc là đã lường trước, nhưng do quá tin tưởng là có thể tránh được nên dẫn đến hậu quả là gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng. Về chủ quan thì đây là lỗi vô ý. Vì những lí do nêu trên, cho nên dù về mặt lý thuyết hay trong thực tiễn, cũng cần xác định cả hình thức lỗi vô ý trong trường hợp tổ chức phạm tội.

Xem xét kỹ Phần các tội phạm trong Bộ luật Hình sự cho thấy: Tuy các qui định về tổ chức phạm tội ở Trung Quốc, phần lớn là các hành vi phạm tội cố ý nhưng cũng có một số ít trường hợp phạm tội do vô ý. Ví dụ, tại Điều 135 của Bộ luật Hình sự qui định Tội gây sự cố an toàn lao động nghiêm trọng, Điều 137 qui định Tội gây sự cố nghiêm trọng cho an toàn của công trình, Điều 229 qui định Tội nhân viên các tổ chức môi giới xuất trình các chứng từ sai sự thật

<sup>1</sup> Luru Bạch Bút chủ biên: "Bản về tổ chức phạm tội", Nxb. Quân chúng, năm 1992, tr. 117.

<sup>2</sup> Cao Tây Giang chủ biên: "Sửa đổi và áp dụng Luật Hình sự của nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa", Nxb. Phương Chính Trung Quốc, năm 1997, tr. 156. Đinh Mộ Anh chủ biên: "Nghiên cứu về những vấn đề khó, quan trọng khi thi hành Luật Hình sự", Nxb. Pháp luật, năm 1998, tr. 314.



một cách nghiêm trọng, Điều 330 qui định Tội gây cản trở việc phòng và điều trị bệnh truyền nhiễm, Điều 332 qui định Tội ngăn cản kiểm dịch vệ sinh trong nước, Điều 334 qui định Tội làm xảy ra các sự cố trong quá trình thu gom, cung cấp huyết dịch, sản xuất và cung cấp các chế phẩm huyết dịch, Điều 337 qui định Tội lẩn tránh kiểm dịch động thực vật, Điều 338 qui định tội gây sự cố ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, Điều 339 qui định Tội chứa chấp phi pháp các phế liệu cứng nhập khẩu... đều là tội phạm được thực hiện với lỗi vô ý<sup>3</sup>.

**2.2. Vấn đề phạm vi chủ thể của tổ chức phạm tội**

Điều 30 của Bộ luật Hình sự qui định 5 loại tổ chức là chủ thể của tội phạm, đó là: Công ty, doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp, cơ quan, đoàn thể.

Công ty là các tổ chức kinh tế tiến hành các hoạt động sản xuất, kinh doanh vì mục đích doanh lợi, bao gồm cả công ty trách nhiệm hữu hạn và công ty cổ phần.

Doanh nghiệp là một tổ chức kinh tế xã hội mang tính doanh lợi với nội dung hoạt động là sản xuất, lưu thông, nghiên cứu ứng dụng khoa học kỹ thuật, nhằm mục đích thu lợi, tăng thêm tích lũy, làm giàu cho xã hội. Công ty cũng là một loại hình doanh nghiệp, nhưng các doanh nghiệp nói ở đây là chỉ các doanh nghiệp ngoài các công ty đã nêu.

Đơn vị sự nghiệp là chỉ các tổ chức hoạt động công ích xã hội được thành lập theo luật định, bao gồm đơn vị sự nghiệp nhà nước và đơn vị sự nghiệp tập thể.

Tính chất của chế độ sở hữu của công ty, doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp không ảnh hưởng đến việc là một chủ thể của tổ chức phạm tội, trừ trường hợp đặc biệt pháp luật có qui định khác.

Cơ quan là chỉ các tổ chức thực hiện chức năng lãnh đạo, quản lý và bảo vệ an toàn quốc gia của Nhà nước, bao gồm: Cơ

quan lập pháp, cơ quan hành pháp, cơ quan tư pháp và cơ quan quân sự.

Đoàn thể là chỉ các tổ chức mang tính quần chúng, như Công đoàn, Đoàn thanh niên, Hội liên hiệp phụ nữ, hiệp hội, Hội khoa học...

Pháp luật hình sự Trung Quốc áp dụng hình thức liệt kê đối với các loại tổ chức phạm tội. Cách qui định theo kiểu liệt kê như vậy có hạn chế là không thể linh hoạt đáp ứng được nhu cầu thực tiễn phát sinh của hoạt động tư pháp. Nói cách khác, nó rất khó bao quát được tất cả các loại hình chủ thể phạm tội mới như hội đồng thôn, tổ dân phố, các trường đại học dân lập... vì thế, rất khó khăn trong việc truy cứu trách nhiệm hình sự các tổ chức này. Trong thực tiễn tư pháp, vấn đề phạm vi của tổ chức phạm tội còn tồn tại một số mâu thuẫn giữa khái niệm và thực tế mà chúng tôi tiến hành phân tích sau đây.

*Thứ nhất*, vấn đề các đơn vị nhỏ trong nội bộ tổ chức có thể trở thành chủ thể của tội phạm hay không. Đối với vấn đề này, trong giới lý luận còn nhiều ý kiến bất đồng. Một luồng ý kiến cho rằng, các phòng ban chức năng trong nội bộ doanh nghiệp chỉ cần thực hiện hành vi phạm tội vì lợi ích của tổ chức, thì cần phải xử lý như tổ chức phạm tội<sup>4</sup>. Một luồng ý kiến khác lại cho rằng, các phòng ban chức năng trực thuộc tổ chức mà đưa ra những quyết định khi chưa được tổ chức đồng ý, thì không thể là đại diện cho tổ chức; các phòng ban chức năng tự mình thực hiện các hành vi phạm tội, không thể coi là tổ chức phạm tội để xử lý, mà chỉ truy cứu trách nhiệm hình sự đối với các cá nhân có liên quan trong các bộ phận<sup>5</sup>. Thực tiễn tư pháp thì vận dụng theo luồng ý kiến thứ nhất. Căn cứ theo qui định tại “Kỷ yếu hội thảo của tòa án toàn quốc về vấn đề công tác

<sup>4</sup> Trần Trạch Hiến chủ biên: “Nhận định và xử phạt đối với đơn vị phạm tội trong Luật Hình sự mới-vấn đề mới của pháp nhân phạm tội”, Nxb. Kiểm sát Trung Quốc, năm 1996, tr.74.

<sup>5</sup> Lí Liêu Nghĩa, Lí Ân Dân: “Tội phạm và hình phạt của pháp nhân phạm tội ở Trung Quốc”, Nxb. Kiểm sát, năm 1996, tr.74.

<sup>3</sup> Lê Hồng: “Bản về qui định chung của Luật Hình sự”, Nxb. Đại học Nhân dân Trung Quốc, xuất bản năm 2007, tr. 222.

xét xử các vụ án về tiền tệ” của Tòa án nhân dân tối cao ngày 21 tháng 1 năm 2001, các phòng ban trong tổ chức, nếu không hoạt động độc lập, mà tiến hành các hoạt động theo danh nghĩa của cơ quan chủ quản, thì hành vi của nó được coi là hành vi của cơ quan chủ quản. Nhưng ở một số tổ chức, các phòng ban chức năng lại có quyền quản lý tương đối độc lập về nhân sự và tài sản, có thể độc lập quan hệ với các đơn vị khác, ví dụ, Trung tâm dịch vụ của một cơ quan, một số đơn vị nhận khoán của doanh nghiệp...

Trong trường hợp này, nếu không coi các bộ phận này là chủ thể phạm tội, mà chỉ xử lý các cá nhân có liên quan thì là không thỏa đáng. Vì vậy, các bộ phận chức năng trong đơn vị, chỉ cần có năng lực trách nhiệm tài sản và năng lực hành vi dân sự tương đối độc lập, thì có thể tổ chức phạm tội.

*Thứ hai*, vấn đề các doanh nghiệp nhận khoán có thể trở thành chủ thể của tội phạm hay không. Căn cứ theo qui định tại “Kỷ yếu hội thảo của Tòa án toàn quốc công tác xét xử các vụ án về tiền tệ” của Tòa án nhân dân tối cao nêu trên, người thực hiện hành vi, thông qua việc kí hợp đồng nhận khoán mà có được quyền quản lý kinh doanh của một doanh nghiệp nào đó và người đó tiến hành hoạt động kinh doanh dưới danh nghĩa của doanh nghiệp này. Đây là một sự chuyên dịch quyền kinh doanh, nó cũng không có nghĩa là thay đổi chế độ sở hữu. Người thực hiện hành vi thông qua hợp đồng nhận khoán mà có được quyền quản lý kinh doanh, trở thành giám đốc nhà máy hoặc giám đốc doanh nghiệp. Điều đó chứng tỏ rằng, họ đã có được vai trò của người chủ doanh nghiệp. Trong hoạt động kinh doanh, người này không còn vì danh nghĩa cá nhân mà hoạt động nữa, mà họ hoạt động dưới danh nghĩa của đơn vị nhận khoán và vì lợi ích của đơn vị này. Hành vi của họ không phải là hành vi cá nhân, mà là hành vi của đơn vị. Vì vậy, với các hành vi phạm tội của đơn vị nhận khoán, cũng cần xử lý như tổ chức phạm tội<sup>6</sup>.

*Thứ ba*, về vấn đề cơ quan nhà nước có trở thành chủ thể của tội phạm hay không. Từ trước đến nay, giới lý luận về Luật Hình sự vẫn còn đang tranh luận rất nhiều về vấn đề này. Hiện nay đã hình thành 3 học thuyết: Học thuyết khẳng định, học thuyết phủ định và học thuyết hạn chế. Qui định cơ quan nhà nước là chủ thể của tội phạm lần đầu tiên được qui định trong Luật Hải quan của nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa ban hành năm 1987. Lúc đó, hoạt động buôn lậu của tổ chức (bao gồm cả cơ quan nhà nước) rất trắng trợn. Để ngăn chặn các tổ chức buôn lậu (bao gồm cả cơ quan nhà nước), Điều 47 Luật Hải quan qui định: “Các doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp, cơ quan nhà nước, các đoàn thể xã hội phạm tội buôn lậu, cơ quan tư pháp có thể truy cứu trách nhiệm hình sự theo luật định đối với người quản lý và nhân viên chịu trách nhiệm trực tiếp; phạt tiền đối với các đơn vị này...”. Bộ luật Hình sự hiện hành, xuất phát từ qui định này mà đưa ra qui định về tổ chức phạm tội. Nếu cơ quan nhà nước gây tổn hại thực tế cho xã hội, rõ ràng cần phải coi đó là hành vi phạm tội và có những hình phạt tương ứng. Đồng thời, việc Luật Hình sự qui định các cơ quan nhà nước cũng là chủ thể của tội phạm thể hiện rằng tất cả các đơn vị đều bình đẳng, đều phải tôn trọng luật pháp. Phạm tội thì sẽ bị truy cứu, cho dù là các cơ quan nhà nước cũng không thể có đặc quyền khác. Điều này thể hiện lập trường mới và thái độ kiên định của Nhà nước trong việc bảo vệ sự tôn nghiêm và uy quyền của luật pháp<sup>7</sup>.

Đồng thời, chúng ta cũng không thể bỏ qua quan điểm phủ nhận cơ quan nhà nước là chủ thể của tội phạm. Quan điểm này ngày càng được giới lý luận và một số cơ quan chuyên môn ủng hộ. Trước hết, Nhà nước phương Tây phủ nhận việc các cơ quan nhà nước có thể trở thành chủ thể của tội phạm. Qui định về tổ chức phạm tội trong

về tư pháp hình sự Hoa Đông”, quyển 5. Nxb. Pháp Luật 2003, tr.213.

<sup>7</sup> Vương Tác Phú: “Nghiên cứu về đơn vị trong Luật Hình sự”, đăng trong “Bình luận về Luật Hình sự” (quyển 2), Nxb. Pháp luật, năm 2003, tr.15.

<sup>6</sup> Tập Bồi Hoa: “Lí giải và vận dụng giải thích tư pháp đối với đơn vị phạm tội”, đăng trong “Luận bản

Luật Hình sự của các nước phương Tây thì chỉ có công ty, doanh nghiệp phạm tội, không bao gồm các cơ quan nhà nước. Trung Quốc quy định, cơ quan nhà nước là chủ thể của tội phạm là đã không vận dụng lí luận liên quan của các nước phương Tây. Trước khi đưa ra qui định này, giới lí luận chưa nghiên cứu đầy đủ vấn đề này, vì vậy mà thiếu chỗ dựa về lí luận. Tiếp đó, cách làm thông thường trong thực tiễn tư pháp là phủ nhận trách nhiệm hình sự của các cơ quan nhà nước. Qui định cơ quan nhà nước có thể trở thành tổ chức phạm tội từ trước đến nay đã không mang tính thực tế, điều đó chứng tỏ rằng cũng cần phải thận trọng hơn khi vận dụng. Cuối cùng, mục đích của việc qui định tổ chức phạm tội là muốn cho tổ chức phải chịu hình phạt, để hạn chế việc các tổ chức thực hiện tội phạm. Nhưng nếu chúng ta qui định cơ quan nhà nước là chủ thể của tội phạm và tiến hành xử phạt cơ quan nhà nước thì không chỉ khó đạt được kết quả như mong muốn mà có thể lại làm xảy ra những hậu quả bất lợi. Bởi vì, cơ quan nhà nước là đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước, nếu phạt tiền đối với cơ quan nhà nước thì chẳng khác nào chuyển tiền từ túi nọ sang túi kia và thực chất cơ quan nhà nước không hề bị xử phạt, và như vậy rõ ràng chúng ta không thu được kết quả như mong muốn. Vì vậy, chỉ nên xử phạt những người có liên quan là đủ, không cần thiết phải qui định cơ quan nhà nước chịu trách nhiệm hình sự<sup>8</sup>.

Qua phân tích trên đây chúng ta có thể thấy rằng, qui định cơ quan nhà nước là chủ thể của tội phạm vừa có cái lợi, vừa có cái hại, nhưng tựu trung lại lợi bất cập hại. Chính vì vậy mà trong thực tiễn tư pháp mới có hiện tượng: Tuy là có qui định nhưng không ai thực hiện. Vấn đề cơ quan nhà nước là chủ thể của tội phạm là vấn đề không mang tính khả thi trong thực tiễn tư pháp. Vì vậy, cần loại bỏ các cơ quan nhà

nước ra khỏi qui định là chủ thể của tội phạm và xử lí theo qui định về cá nhân phạm tội. Như vậy, vừa có thể xử lí nghiêm khắc đối với tội phạm vừa không ảnh hưởng đến tính hợp pháp của Chính phủ. Đây thực sự mới là sự lựa chọn thỏa đáng nhất.

**2.3. Vấn đề tổ chức thực hiện hành vi mà Bộ luật Hình sự không quy định tổ chức là chủ thể của tội phạm**

Mặc dù Luật Hình sự Trung Quốc đã qui định một lượng lớn các điều khoản về tổ chức phạm tội nhưng trong thực tiễn tư pháp xuất hiện một số hành vi gây nguy hại có loại hình đặc thù, liên quan đến tổ chức mà việc đánh giá về chúng như thế nào, hiện vẫn là vấn đề gây tranh luận. Những hành vi này do tổ chức thực hiện nhưng Luật Hình sự lại không qui định là hành vi gây nguy hại cho xã hội của tổ chức phạm tội. Những người theo quan điểm phủ nhận cho rằng, trong trường hợp này nên tuân theo nguyên tắc luật định về tội phạm để xử lí, và như vậy không nên xác định đây là hành vi phạm tội.

Về căn cứ pháp lý, Điều 30 của Bộ luật Hình sự qui định: “Công ty, doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp của Đảng, cơ quan, đoàn thể thực hiện các hành vi nguy hại cho xã hội, luật pháp qui định là tổ chức phạm tội thì phải chịu trách nhiệm hình sự”. Điều này cũng có nghĩa là, những hành vi mà pháp luật không qui định là tổ chức phạm tội thì bất kỳ ai cũng không phải chịu trách nhiệm hình sự. “Bất kỳ ai” ở đây là chỉ tổ chức và những cá nhân trong tổ chức. “Khi tổ chức phạm tội thì chủ yếu là áp dụng chế độ hình phạt kép. Trách nhiệm hình sự của cá nhân trước hết là phải xuất phát từ tổ chức phạm tội. Nếu hành vi của tổ chức không cấu thành tội phạm, không phải chịu trách nhiệm hình sự thì đương nhiên không còn tồn tại vấn đề cá nhân người quản lí và các nhân viên có trách nhiệm trực tiếp chịu trách nhiệm hình sự”<sup>9</sup>. Một quan điểm khác lại cho rằng, Điều 30 Bộ luật Hình sự lại qui định

<sup>8</sup> Mã Khắc Xương: “cơ quan” không nên qui định là chủ thể của đơn vị phạm tội, đăng trong Tạp chí Kiểm sát nhân dân, năm 2007, kỳ 21.

<sup>9</sup> Trương Quân, Khương VI, Lăng Thắng, Trần Hưng Lương: “Trao đổi về Luật Hình sự”, Nxb. Pháp luật, năm 2003, tr. 306.

một ý khác là: Pháp luật không qui định là tổ chức phạm tội, thì tổ chức không phải chịu trách nhiệm hình sự, nhưng cần phải truy cứu trách nhiệm hình sự của những cá nhân trực tiếp liên quan hoặc dựa vào những điều khoản khác qui định về tổ chức phạm tội để nhận định là tổ chức phạm tội. Ví dụ, tổ chức trộm cắp thì không thể nhận định là tổ chức phạm tội mà cần phải truy cứu trách nhiệm hình sự đối với cá nhân nhân viên chịu trách nhiệm trực tiếp; đối với trường hợp tổ chức lừa đảo vay tiền, không nên căn cứ vào tính chất của Tội lừa đảo vay tiền (Tội lừa đảo vay tiền không quy định tổ chức là chủ thể của tội phạm), mà phải căn cứ vào Tội gian lận trong hợp đồng để truy cứu trách nhiệm hình sự của tổ chức phạm tội.

Giải thích tư pháp đã khẳng định quan điểm thứ hai. Trong “Giải thích một số vấn đề về áp dụng pháp luật cụ thể trong việc xét xử các vụ án không chấp hành phán quyết” của Tòa án nhân dân tối cao năm 1998 đã qui định: Những tổ chức có nghĩa vụ chấp hành phán quyết hay chế tài của tòa án, người phụ trách trực tiếp và những nhân viên chịu trách nhiệm trực tiếp khác thực hiện... vì lợi ích của tổ chức, gây ra hậu quả đặc biệt nghiêm trọng thì người phụ trách trực tiếp và những nhân viên chịu trách nhiệm trực tiếp này sẽ bị định tội và xử phạt về tội chống lại các phán quyết về chế tài của tòa án được qui định tại Điều 313 Bộ luật Hình sự. Bên cạnh đó, ngày 9 tháng 8 năm 2002, Viện kiểm sát nhân dân tối cao công bố “Phúc đáp về vấn đề áp dụng pháp luật như thế nào khi nhân viên trong các tổ chức thực hiện hành vi trộm cắp”, trong phúc đáp này đã qui định rõ ràng rằng: Nhân viên của tổ chức thực hiện hành vi trộm cắp vì lợi ích của tổ chức, tinh tiết nghiêm trọng, thì truy cứu trách nhiệm hình sự đối với nhân viên đó về Tội trộm cắp theo qui định tại Điều 264 Bộ luật Hình sự. Tuy phúc đáp này giải thích về việc Luật Hình sự chưa qui định tổ chức có thể phạm tội trộm cắp và hướng dẫn truy cứu trách nhiệm hình sự đối với nhân viên trực tiếp thực hiện tội phạm nhưng xem xét từ nguyên lý giải thích này thì

có thể kết luận tổ chức lừa đảo, cướp giật, thậm chí giết người cũng có thể vận dụng cách giải thích này. Trên thực tế, đối với hành vi tổ chức thực hiện Tội giết người thì cũng tiến hành truy cứu trách nhiệm hình sự về Tội cố ý giết người đối với người có trách nhiệm trực tiếp. Xét từ ý nghĩa này, tổ chức phạm tội phải được qui định rõ ràng trong Luật Hình sự, tức là chỉ khi nào Luật Hình sự qui định tổ chức có thể trở thành chủ thể của một hành vi phạm tội nào đó, thì mới có thể nhận định là tổ chức phạm tội. Qui định tại Điều 30 của Luật Hình sự cho thấy, khi Luật Hình sự không qui định tổ chức có thể trở thành chủ thể của hành vi, thì chỉ có cá nhân trở thành chủ thể. Hoặc nói một cách khác, một hành vi phạm tội nào đó “do tổ chức thực hiện”, nhưng Luật Hình sự lại không qui định tổ chức là chủ thể của hành vi này, thì khi đó chỉ có thể truy cứu trách nhiệm hình sự đối với cá nhân<sup>10</sup>.

Tóm lại, khi tổ chức thực hiện những hành vi mà pháp luật không qui định tổ chức là chủ thể thì không thể xử lí theo qui định tổ chức phạm tội. Nếu như hành vi của người thực hiện hành vi mà thỏa mãn các yếu tố cấu thành tội phạm theo qui định của pháp luật thì cần phải truy cứu trách nhiệm hình sự theo qui định đối với cá nhân phạm tội.

#### **2.4. Vấn đề trách nhiệm hình sự của tổ chức phạm tội**

Điều 31 Bộ luật Hình sự qui định: “Tổ chức phạm tội thì xử phạt tiền đối với tổ chức và xử lí hình sự đối với người trực tiếp quản lí và những người chịu trách nhiệm trực tiếp. Nếu Bộ luật Hình sự hoặc những luật khác có qui định khác thì căn cứ theo những qui định đó”. Từ qui định của Điều này và những qui định trong Phần các tội phạm của Bộ luật Hình sự chúng ta có thể thấy rằng, Luật Hình sự Trung Quốc chủ yếu áp dụng “chế độ song phạt” đối với tổ chức phạm tội, tức là xử lí hình sự với tổ chức bằng hình thức phạt tiền. Mặt khác, áp dụng xử lí hình sự đối với người phụ trách trực

<sup>10</sup> Trương Minh Hải, “Luật Hình sự” (in lần thứ 3), Nxb. Pháp luật, năm 2007, tr. 132.

tiếp và những người có trách nhiệm trực tiếp khác trong tổ chức phạm tội. Bên cạnh đó cũng có một số trường hợp áp dụng “chế độ đơn phạt”, tức là không phạt tiền đối với tổ chức phạm tội, mà chỉ xử lí hình sự đối với người phụ trách trực tiếp và những người có trách nhiệm trực tiếp khác trong tổ chức phạm tội. Cho dù là “chế độ song phạt” hay “chế độ đơn phạt”, thì việc xử lí hình sự đối với cá nhân trong tổ chức phạm tội cũng luôn được đặt ra.

Nghiên cứu các tội cụ thể trong Phần các tội phạm của Bộ luật Hình sự cho thấy, hình phạt đối với cá nhân phạm tội và hình phạt đối với người phụ trách trực tiếp và những người có trách nhiệm trực tiếp khác trong tổ chức phạm tội được qui định không giống nhau.

Loại thứ nhất, phạt tiền đối với tổ chức và hình phạt theo pháp luật qui định đối với người phụ trách trực tiếp và những người có trách nhiệm trực tiếp khác trong đơn vị phạm tội giống như hình phạt quy định đối với cá nhân. Trong Phần các tội phạm có 87 trường hợp quy định mức xử phạt đối với cá nhân trong tổ chức phạm tội tương đương với mức xử phạt đối với cá nhân phạm tội, chiếm khoảng 80%.

Loại thứ hai, phạt tiền đối với tổ chức nhưng đối với người phụ trách trực tiếp và những người có trách nhiệm trực tiếp khác trong tổ chức phạm tội thì hình phạt qui định có phần nhẹ hơn so với cá nhân phạm tội. Ngoài ra, có một số qui định về tội phạm, bề ngoài thể hiện là qui định xử phạt đối với cá nhân phạm tội, nhưng khi qui định về hình phạt thì lại chỉ xử phạt đối với người có trách nhiệm trực tiếp, mà không qui định xử phạt đối với cá nhân phạm tội. Điều 31 Bộ luật Hình sự qui định: “Nếu Phần các tội phạm của Bộ luật này và những luật khác có qui định khác, thì áp dụng theo qui định đó”. Nói cách khác, nếu Phần các tội phạm của Bộ luật Hình sự và các luật khác không qui định về chế độ song phạt thì thực hiện chế độ đơn phạt. Từ qui định của Luật Hình sự có thể thấy có 3 trường hợp chính sau đây:

(1) Nếu không vì lợi ích của tổ chức, mà chỉ lấy danh nghĩa của tổ chức để thực hiện

hành vi phạm tội tâu tán tài sản nhà nước, tâu tán các tài sản tịch thu thì không áp dụng song phạt mà chỉ xử phạt đối với người phụ trách trực tiếp và những người có trách nhiệm trực tiếp khác.

(2) Nếu tổ chức phạm tội do vô ý thì chỉ xử phạt người có trách nhiệm trực tiếp mà không áp dụng song phạt.

(3) Trong trường hợp mặc dù tổ chức phạm tội nhưng nếu xử phạt tổ chức có thể gây tổn hại đến lợi ích của những người vô tội thì không áp dụng song phạt mà chỉ xử phạt đối với người phụ trách trực tiếp và những người có trách nhiệm trực tiếp khác. Ví dụ: Điều 161 Bộ luật Hình sự qui định đối với công ty phạm tội cung cấp báo cáo tài chính sai sự thật cho cổ đông và cho công chúng, thì chỉ xử phạt đối với người phụ trách trực tiếp và những người có trách nhiệm trực tiếp khác. Bởi vì, hành vi này đã xâm hại tới lợi ích của cổ đông, nếu như lại tiếp tục phạt tiền đối với công ty, thì lại càng gây tổn hại cho lợi ích của cổ đông<sup>11</sup>.

### **3. Kết luận**

Trên đây tác giả đã sơ lược lại quá trình lập pháp hình sự và thực tiễn tư pháp của tổ chức phạm tội trong hơn 30 năm qua kể từ ngày ban hành Bộ luật Hình sự và đưa ra một số lí giải của cá nhân về những vấn đề đang còn tranh luận. Chúng ta có thể thấy rằng, 30 năm ban hành Bộ luật Hình sự, cũng là 30 năm Trung Quốc toàn chí toàn lực thực hiện công cuộc cải cách và mở cửa, cũng là thời điểm quan trọng để Trung Quốc từ xã hội truyền thống phát triển dần thành xã hội hiện đại, từ thể chế của một nền kinh tế kế hoạch, phát triển thành nền kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa. Cùng với công cuộc cải cách mở cửa ngày càng đi vào chiều sâu và sự chuyển biến của thể chế kinh tế, số lượng các vụ án của tổ chức phạm tội ngày càng nhiều, số tiền vi phạm ngày càng lớn, hình thức phạm tội cũng ngày càng đa dạng, phức tạp, mức độ gây nguy hại ngày càng trầm trọng. Để thích ứng với sự phát

<sup>11</sup> Trương Minh Hải, “Luật Hình sự” (in lần thứ 3), Nxb. Pháp luật, năm 2007, tr. 133.



triển của nền kinh tế và nhu cầu xử lý đối với các tổ chức phạm tội, lập pháp hình sự đối với tổ chức phạm tội của Trung Quốc cũng ngày càng phát triển và hoàn thiện và dần thể hiện được đặc điểm riêng của nó. Bên cạnh đó, chúng ta cũng cần phải thấy rằng, những khó khăn trong thực tiễn xử lý tổ chức phạm tội đặt ra yêu cầu rất nghiêm túc đối với những nhà nghiên cứu lí luận. Cũng vì vấn đề đó, tại Hội nghị thường niên của các học giả Luật Hình sự đã lấy “tổ chức phạm tội” là một trong những chủ đề của Hội thảo. Hội nghị này là một tập hợp lớn những thành quả của việc nghiên cứu về tổ chức phạm tội trong mấy năm gần đây, công bố hàng loạt kết quả nghiên cứu mới nhưng

vẫn chưa giải quyết tốt những vấn đề nêu ra trên đây, thậm chí chưa đưa ra được những kết luận tương đối rõ ràng hoặc ý kiến có tính chất chủ đạo. Có hạn chế, bất cập này là do giới học giả về Luật Hình sự Trung Quốc chưa nghiên cứu sâu những vấn đề cơ bản về trách nhiệm hình sự của tổ chức phạm tội. Một khi đã thoát ly những lí luận cơ sở này, sẽ có thái độ né tránh những vấn đề mấu chốt và kết quả nghiên cứu của nhiều người trở thành sự sôi động giả tạo<sup>12</sup>. Điều này chứng tỏ sự bất cập của việc nghiên cứu lí luận về tổ chức phạm tội, mặt khác chứng tỏ rằng thực tiễn tư pháp và nghiên cứu lí luận về tổ chức phạm tội vẫn trong tình trạng đường xa gánh nặng.

<sup>12</sup> Tham khảo Dương Quốc Chương: “Suy nghĩ đánh giá 30 năm nghiên cứu về đơn vị phạm tội: sôi nổi và khó khăn”, đăng trong “Nghiên cứu 30 vận dụng Luật Hình sự trong cải cách mở cửa”, Nxb. Đại học Công an nhân dân Trung Quốc, năm 2008, tr. 139.

### *(Tiếp theo trang 50 – Bàn về khái niệm...)*

tội bằng bản án của toà án. Trong khi đó, bởi là hiện tượng đặc biệt nên bản chất của trách nhiệm hình sự, theo chúng tôi không chỉ thể hiện qua bản án kết án của toà án đối với người có lỗi (trách nhiệm hình sự tại thời điểm này dĩ nhiên là rất quan trọng, nhưng chủ yếu vẫn là hình thức) mà còn qua sự lên án người phạm tội (vì mục đích này mà trách nhiệm hình sự được quy định và áp dụng), qua ý nghĩa xã hội, qua “sứ mệnh lịch sử” và qua vai trò của trách nhiệm hình sự đối với đời sống xã hội.

Chủ thể bị kết án hình sự là người đã thực hiện hành vi đã bị nhà làm luật đánh giá trước là nguy hiểm cho xã hội và quy định cấm thực hiện. Có thể khẳng định rằng, nếu không có sự đánh giá tiêu cực như vậy của nhà làm luật đối với hành vi tương ứng thì không thể có sự truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người thực hiện nó. Bằng bản án, toà án công khai tuyên bố hành vi đã thực hiện là tội phạm và người đã thực hiện nó là người phạm tội và như vậy, thay mặt Nhà nước, toà

án đưa ra sự đánh giá tiêu cực đối với hành vi cũng như người có lỗi trong việc thực hiện nó. Sự đánh giá này dĩ nhiên là quan trọng, nhưng cũng là sự đánh giá thứ hai được phái sinh từ sự đánh giá “chính” - sự đánh giá của nhà làm luật.

Từ những điều phân tích trên đây có thể thấy việc thực hiện không đúng trách nhiệm hình sự trong thực tiễn đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm gây bức xúc ở nước ta trong thời gian vừa qua xuất phát từ nhiều nguyên nhân, trong đó không thể không kể đến sự nhận thức không thống nhất, không đầy đủ, không toàn diện, không chính xác về khái niệm, nội dung, bản chất, giới hạn của trách nhiệm hình sự. Trách nhiệm hình sự, vì vậy, vẫn là hướng nghiên cứu mang tính cấp thiết. Hướng nghiên cứu này cần phải được tiến hành dựa trên cách tiếp cận liên ngành luật học. Chúng tôi cho rằng trong thời gian tới khoa học pháp lý nói chung và khoa học pháp luật hình sự nói riêng cần quan tâm nhiều hơn đến hướng nghiên cứu này.